

# **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÚC LỘC PHÁT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÚC LỘC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH VLXD PHÚC LỘC PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301082262

**3. Ngày thành lập:** 07/10/2019

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 57, ấp Bình Thuận, Thị Trấn Bình Đại, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0819399608

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                | 2395                                                         |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                | 4101                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                          | 4102                                                         |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                    | 4211                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                     | 4212                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                | 4229                                                         |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                       | 4299                                                         |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                           | 4311                                                         |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                | 4312                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                            | 4321                                                         |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                            | 4322                                                         |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                   | 4329                                                         |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                   | 4330                                                         |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                               | 4649                                                         |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                          | 4663(Chính)                                                  |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4752                                                         |
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh          | 4759                                                         |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                   | 4933                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                              | 5022                                                         |
| 20. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ THẨM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 321381631

Ngày cấp: 27/03/2006

Nơi cấp: Công an Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tân An, Xã Thạnh Phước, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Tân An, Xã Thạnh Phước, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 07/10/2019 đến ngày 06/11/2019

\* Họ và tên: LÊ THỊ THẨM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 321381631

Ngày cấp: 27/03/2006

Nơi cấp: Công an Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tân An, Xã Thạnh Phước, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Tân An, Xã Thạnh Phước, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre